

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*-----
Bản án số: 259/2022/DS-ST

Ngày 30/9/2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Ông Trương Văn Hơn.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông La Tương Lai** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngô Văn S**, sinh năm 19** (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã G1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh S: Luật sư Nguyễn Văn D – Văn phòng Luật sư Phạm Thị Kim T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: 1. **Lê Thị N**, sinh năm 19** (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Thanh L, sinh năm 19** (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ngô Văn S trình bày: Vào ngày 27/5/2022, ông có cho bà N và ông L vay số tiền 30.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 27/5/2022, ngày nhận tiền là ngày 28/5/2022. Thời gian vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, sau đó bà N trả cho ông được 01 tháng tiền lãi, đến thời hạn trả vốn bà N, ông L không trả vốn cho ông. Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ nên ông yêu cầu bà N và ông L có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vốn 30.000.000 đồng và tiền lãi 500.000 đồng. Đến ngày 08/8/2022, ông S thay đổi yêu cầu, ông yêu cầu bà N

và ông L có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vốn 30.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị N trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông S về thời gian vay và thời gian nhận tiền. Nay bà thừa nhận còn nợ ông S 30.000.000 đồng và trả làm 02 lần: Lần 01 ngày 08/02/2023 trả 15.000.000 đồng và lần 02 ngày 08/8/2023 trả 15.000.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày: Vào ngày 27/5/2022, ông có đứng ra hỏi ông S cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày 28/5/2022 ông S đưa tiền cho bà N nhận, có mặt ông và ông có ký tên vào Hợp đồng cho vay tiền ngày 27/5/2022. Sau đó, bà N có trả cho ông S 01 tháng tiền lãi, đến thời hạn bà N không trả vốn cho ông S. Nay ông S yêu cầu ông và bà N có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng nhưng nay ông không có tiền trả cho anh S.

* Tại phiên tòa:

- Ông S trình bày: Ông yêu cầu bà N và ông L có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vốn 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 28/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất là 0,83%/tháng, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, buộc bà N và ông L có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền vốn 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 28/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất là 0,83%/tháng, khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa ông S và bà N, ông L là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 19/9/2022, ông L có Đơn xin vắng tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông L.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, ông S yêu cầu bà N và ông L có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật, theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 27/5/2022, ngày nhận tiền là ngày 28/5/2022. Xét thấy, tại Biên bản hòa giải ngày 08/8/2022, bà N thừa nhận còn nợ ông S số tiền 30.000.000 đồng và xin trả làm 02 lần: Lần 01 ngày 08/02/2023 trả 15.000.000 đồng và lần 02 ngày 08/8/2023 trả 15.000.000 đồng nhưng ông S không đồng ý. Đồng thời, tại Biên bản hòa giải ngày 25/8/2022, ông L thừa nhận có hỏi ông S cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng và ngày 28/5/2022 ông S đưa tiền cho bà N nhận, có mặt ông và ông có ký tên vào Hợp đồng cho vay tiền ngày 27/5/2022 nhưng nay ông không có tiền trả cho ông S. Do bà N và ông L

đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông S. Vì vậy, yêu cầu của ông S là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà N và ông L có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền còn nợ là 30.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về yêu cầu trả lãi, tại phiên tòa ông S yêu cầu bà N và ông L có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền lãi từ ngày 28/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Xét thấy, tại Biên bản hòa giải ngày 25/8/2022, ông S thừa nhận bà N có trả cho ông 01 tháng tiền lãi và ông L cũng đã xác nhận điều này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định thời gian tính lãi từ ngày 28/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 03 tháng 02 ngày, với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền là 763.600 đồng, buộc bà N và ông L có nghĩa vụ liên đới trả lại tiền lãi này khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N và ông L phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Ông S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn S.**

- Buộc bà Lê Thị N và ông Nguyễn Thanh L có nghĩa vụ liên đới trả lại ông Ngô Văn S số tiền vốn và tiền lãi là 30.763.600 (*Ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N, ông L chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà N, ông L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà N, ông L cùng phải chịu án phí là 1.538.180 (*Một triệu năm trăm ba mươi tám nghìn một trăm tám mươi*) đồng.

+ Hoàn lại ông S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 762.500 đồng theo biên lai số 0007998 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD;
- CC THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An